

# **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG THIÊN AN PHÚ**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG THIÊN AN PHÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH XD CẦU ĐƯỜNG THIÊN AN PHÚ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301109940

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2021

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 159 A1 Bình Thành, Xã Bình Phú, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0939358789

Fax:

Email: [anphuthien18@gmail.com](mailto:anphuthien18@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                              | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                  | 4322                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                         | 4329                                                         |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                         | 4330                                                         |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                    | 4390                                                         |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                        | 4659                                                         |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                | 4662                                                         |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                | 4663                                                         |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                    | 7110                                                         |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                 | 7710                                                         |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                         | 4933                                                         |
| 11. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                    | 5022                                                         |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                              | 5222                                                         |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                    | 5229                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                      | 4101                                                         |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                | 4102                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                           | 4212(Chính)                                                  |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                               | 4221                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                    | 4222                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                               | 4291                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                             | 4299                                                         |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                 | 4311                                                         |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                      | 4312                                                         |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                  | 4321                                                         |
| 24. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG MINH QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 321351804

Ngày cấp: 21/10/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Bến Tre

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Hưng, Xã Hưng Khánh Trung A, Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 159 A1 ấp Bình Thành, Xã Bình Phú, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre